

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày: 03-6-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Hà Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐ-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1980; (có mặt).

Nơi cư trú: 61 Đường A, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Bà Lưu Thị Hải P, sinh năm 1972; (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: 29/6 Đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Nơi cư trú: 80 Đường V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Việt H, sinh năm 1979; (vắng mặt).

Nơi cư trú: 61 Đường A, Phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1976; (vắng mặt).

Nơi cư trú: 96/14 Đường V, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:

Vào khoảng tháng 12 năm 2018, bà cho bà Lưu Thị Hải P vay số tiền 48.000.000đ, không lãi suất, thời hạn vay là 02 tuần, tại thời điểm vay các bên chỉ giao kết bằng lời nói, không lập thành văn bản. Sau đó, do bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà yêu cầu bà P giao kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng N, thành phố V, hợp đồng vay tiền có nội dung chính như sau: Bà H cho bà P vay số tiền 48.000.000đ, không lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày công chứng hợp đồng. Hợp đồng vay tiền được Văn phòng công chứng N, thành phố V công chứng số 1230 ngày 17-4-2019 (sau đây gọi tắt là hợp đồng vay tiền số 1230).

Từ ngày 18-7-2019 là thời hạn trả nợ theo hợp đồng đến nay, bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận mặc dù bà đã nhiều lần liên hệ thông qua điện thoại và trực tiếp đến nhà bà P để yêu cầu bà P trả nợ nhưng không thể liên lạc được với bà P.

Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án buộc bà P trả số tiền gốc 48.000.000đ và không yêu cầu bà P trả tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, bà bổ sung yêu cầu bà P phải trả tiền lãi tính từ ngày 18-7-2019 đến ngày 03-6-2020 với số tiền là 2.110.685đ và tiền lãi phát sinh tương ứng cho đến khi bà P hoàn tất khoản nợ theo mức lãi suất 5%/năm tương đương với 5%/365/ngày. Bà xác định cho cá nhân bà P vay tiền nên chỉ yêu cầu bà P có trách nhiệm trả nợ.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Việt H trình bày:

Ông là chồng bà H, ông không biết việc bà H cho bà P vay tiền. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H, ông đồng ý và không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng bà Vũ Thị L trình bày:

Bà là chủ tiệm Spa, bà P là khách hàng tại tiệm Spa của bà. Khoảng tháng 12 năm 2018, bà P nói cần vay một khoản tiền vài chục triệu trong thời gian khoảng 02 tuần để đáo hạn ngân hàng nên bà giới thiệu bà P vay tiền của bà H (bà H là cháu bà). Khi bà H thông báo có tiền cho bà P vay thì bà điện thoại cho bà P đến Spa của bà để nhận tiền vay từ bà H. Bà H giao tiền cho bà P tại phòng khách tiệm Spa của bà, bà có ở đó nhưng không trực tiếp chứng kiến, không biết bà H cho bà P vay bao nhiêu tiền, chỉ nghe bà H nói lại đã giao tiền cho bà P vay. Sau một thời gian, bà có nghe bà H thông báo việc bà P chưa trả tiền vay và bà H đã yêu cầu bà P đến Văn phòng Công chứng để lập hợp đồng vay tiền.

Bị đơn bà Lưu Thị Hải P đã được Tòa án triệu tập họp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố V đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền và tiến hành các thủ tục tố tụng đạt đối với bị đơn bà Lưu Thị Hải P theo đúng quy định nhưng bà P vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà P là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, lời khai của người làm chứng. Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu bà Lưu Thị Hải P trả tiền nợ và tiền lãi. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lưu Thị Hải P có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự, người làm chứng: Bị đơn bà Lưu Thị Hải P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Việt H, người làm chứng bà Vũ Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng bà P vắng mặt không có lý do, ông H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án. Do đó, căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà P, ông H, bà L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu trả tiền nợ gốc của nguyên đơn, thấy rằng:

Hợp đồng vay tiền số 1230 được bà H và bà P ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật, đã được công chứng nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng vay tiền đã

ký kết. Xét, lời trình bày của người làm chứng Vũ Thị L, tuy không trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền vay giữa bà H với bà P nhưng phù hợp với lời trình bày của bà H về quá trình, thời gian, diễn biến, sự việc bà P có nhu cầu vay tiền và bà L đã giới thiệu bà H cho bà P vay tiền, đồng thời phù hợp với nội dung hợp đồng vay tiền số 1230 được ký kết giữa bà H với bà P. Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ do bà H cung cấp, lời khai của người làm chứng, có đủ cơ sở xác định bà H cho bà P vay số tiền 48.000.000đ và bà P chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H.

Hợp đồng vay tiền số 1230 có thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày công chứng hợp đồng là ngày 17-4-2019. Như vậy thời hạn cuối cùng bà P phải trả tiền vay cho bà H là hết ngày 17-7-2019. Đã quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng bà P không trả nợ cho bà H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy, việc bà H khởi kiện yêu cầu bà P trả nợ số tiền 48.000.000đ là có cơ sở. Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà P có trách nhiệm trả cho bà H số tiền vay 48.000.000đ.

[2.2] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn, thấy rằng:

Hợp đồng vay tiền số 1230 được bà H và bà P ký kết thỏa thuận vay có thời hạn, không lãi suất; đến hạn thanh toán bà P không thực hiện việc trả nợ, bà H yêu cầu bà P trả tiền lãi tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán 18-7-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 03-6-2020 (321 ngày) với mức lãi suất là 5%/năm, tức 5%: 365/ngày là 2.110.685đ, (Cụ thể là: (5%: 365) x 321 ngày x 48.000.000đ = 2.110.685đ) và tiền lãi phát sinh tương ứng cho đến khi bà P thanh toán xong các khoản nợ đối với số tiền vay 48.000.000đ. Xét, yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi và thời gian trả của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà P có trách nhiệm trả cho bà H số tiền lãi 2.110.685đ (tính từ ngày 18-7-2019 đến hết ngày xét xử sơ thẩm 03-6-2020).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các

Điều 91, 147, 227, 228, 229, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.

2. Buộc bà Lưu Thị Hải P trả cho bà Bùi Thị H số tiền 50.110.685đ (*năm mươi triệu một trăm mười nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*), gồm: nợ gốc 48.000.000đồng (*bốn mươi tám triệu đồng*) và nợ lãi 2.110.685đ (*hai triệu một trăm mười nghìn sáu trăm tám mươi lăm đồng*) tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (03-6-2020).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lưu Thị Hải P phải chịu 2.505.534đ (*hai triệu năm trăm lẻ năm nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm; hoàn trả cho bà H số tiền 1.200.000đồng (*một triệu hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0003587 ngày 10-01-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****(Đã ký)****Nguyễn Trà My**